TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

22-07-2014

Tổ : 002

Mã nhận dạng 02374

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12114305	PHẠM QUỐC	NGHĨA	DH12QR			0,6	1,2	5	5,3	5	3
2	11147034	TRẦN QUỐC	NGHĨA	DH11QR			0,7	1,4	5	5,6	5	6
3	12114006	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	DH12LN			0,7	1,4	3	4,2	4	2
4	12114081	LÊ TRẦN	NGUYÊN	DH12LN			0,5	1,4	5	5,4	5	4
5	12114200	NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH12NK		1	0,8	1,6	8	8,0	8	0
6	12114014	PHẠM KIM	PHỤNG	DH12LN			0,8	1,4	6	6,4	6	4
7	11147080	NGUYỄN TRUNG	QUỐC	DH11QR			0,6	1,4	5	7,6	7	6
8	11114023	TRẦN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	DH11LN			0,6	1,2	3	3,9	3	9
9	12114084	TRẦN THANH	SANG	DH12LN			0,6	1,2	4	4,6	4	6
10	12114085	TRẦN TÚ	SANG	DH12QR			0,7	1,4	5	5,6	5	6
11	12114174	MAI VIỆT TRƯỜNG	SƠN	DH12QR			0,5	1,2	1	2,4	2	4
12	12114216	LƯƠNG ANH	TÀI	DH12QR		1	0,6	1,2	3	3,9	3	9
13	10147080	NGUYỄN THANH	TÂM	DH10QR			0,4	1,0	5	4,9	4	9
14	12114087	HÀ THỦY	THANH	DH12QR			0,6	1,4	4	4,8	4	8
15	12114088	NGUYỄN THỊ THANH	THANH	DH12LN			0,6	1,2	5	5,3	5	3
16	11114059	NGUYỄN XUÂN HOÀI	THANH	DH11LN			0,4	1,0	1	2,1	2	1
17	12114255	DƯƠNG ĐỨC	THÀNH	DH12QR			0,7	1,4	5	5,6	5	6
18	12114244	BÙI THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH12QR			0,9	1,8	9	9,0	9	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 002

Mã nhận dạng 02374

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11147164	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH11QR			0,7	1,4	6	6,3	6	3
20	12114089	PHẠM THỊ THANH	THẢO	DH12LN			0,7	1,4	5	5,6	5	6
21	12114057	NGUYỄN ĐÌNH	THIỆN	DH12LN			0,6	1,4	8	7,6	7	6
22	12114090	LÊ HỮU	THỌ	DH12QR			0,7	1,0	2	3,1	3	1
23	11114053	KSOR	THỨC	DH11LN			0,7	1,4	6	6,3	6	3
24	12114299	ĐỖ VĂN	TOÀN	DH12QR			0,6	1,2	7	6,7	6	7
25	12114321	PHAN VĂN	TOÀN	DH12QR		2	0,7	1,2	4	4,7	4	7
26	12114094	TRẦN VĂN	TOÀN	DH12QR			0,5	1,0	3	3,6	3	6
27	12114165	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH12LN			0,8	1,6	8	8,0	8	0
28	12114300	NGUYỄN HOÀNG	TRI	DH12NK			0,7	1,2	2	3,3	3	3
29	12114164	ĐÀO VŨ	TRƯỜNG	DH12LN			0,6	1,2	6	6,0	6	0
30	11146044	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	DH11NK			0,6	1,4	7	6,9	6	9
31	12114354	LÊ ANH	TUẤN	DH12QR			0,7	1,0	2	3,1	3	1
32	11147105	PHẠM CHÂU	TUẤN	DH11QR			0,5	1,0	0	1,5	1	5
33	12114067	VÕ HOÀNG ANH	TUẤN	DH12QR			0,7	1,2	5	5,4	5	4
34	12114098	DƯƠNG VĂN	TY	DH12LN			0,6	1,0	4	4,4	4	4
35	11114042	NGÔ TÙNG	VI	DH11LN			0,5	1,0	4	4,3	4	3
36	11147172	NGUYỄN VĂN	VĨNH	DH11QR			0,6	1,2	6	6,0	6	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 002

Mã nhận dạng 02374

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12114010	DƯƠNG THỊ	XUÂN	DH12QR			0,7	1,4	6	6,3	6	3
38	11114086	BÙI THỊ KIM	YẾN	DH11LN			0,7	1,2	5	5,4	5	4
39	12114188	LÊ HẢI	YẾN	DH12QR			0,5	1,8	9	9,0	9	0

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: : 39

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Mạc Văn Chăm Lê Thị Luận Trương Văn Vinh Hồ Quý Thanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

22 -07- 2014 Mã nhận dạng 02372

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (40 %)	Đ 2 (60 %)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12114122	CHỬ HOÀNG DUY	ANH	DH12NK			0,7	1,2	3	4,0	4	0
2	12114074	NGUYỄN VĂN	BẢO	DH12LN			0,8	1,6	6	6,6	6	6
3	11147128	PHẠM ĐÌNH	BẢO	DH11QR			0,6	1,6	8	8,0	8	0
4	11146100	PHẠM MINH	CAN	DH11NK			0,8	1,2	4	4,8	4	8
5	10147008	LÊ VĂN	CẢNH	DH10QR			0,7	1,6	1	3,0	3	0
6	08114122	HỒ HỮU	CHUNG	DH08LN			0,5	1,2	5	5,2	5	2
7	12114022	TRẦN VĂN	CHUNG	DH12NK			0,8	1,4	4	5,0	5	0
8	12114335	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	DH12NK			0,7	1,2	4	4,7	4	7
9	11147013	DƯƠNG VĂN	ĐỨC	DH11QR			0,7	1,2	3	4,0	4	0
10	12114134	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH12NK			0,8	1,6	6	6,6	6	6
11	11114007	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	DH11LN			0,5	1,2	3	3,8	3	8
12	11147018	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH11QR			0,6	0,6	4	4,0	4	0
13	11170037	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH11KL			0,8	1,6	6	6,6	6	6
14	12114033	VÕ THÚY	HUỲNH	DH12NK			0,8	1,6	6	6,6	6	6
15	12114138	BIỆN DUY	HƯNG	DH12LN			0,5	1,0	6	5,7	5	7
16	08146154	TRỊNH TUẤN	HƯNG	DH08NK			0,6	1,2	3	3,9	3	9
17	12114013	LÊ THỊ PHƯƠNG	LAM	DH12NK			0,8	1,6	7	7,3	7	3
18	12114296	TRƯƠNG THỊ THANH	LAN	DH12QR			0,8	1,6	5	5,9	5	9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

Mã nhận dạng 02372

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12114166	HÀ ĐÌNH	LONG	DH12LN			0,8	1,6	8	8,0	8	0
20	08147117	HỒ VĂN	LONG	DH08QR			0,6	1,2	5	5,3	5	3
21	11170023	NGUYỄN THỊ	LÝ	DH11KL			0,7	1,2	6	6,1	6	1
22	11147091	ĐINH TUẤN	MẠNH	DH11QR			0,7	1,4	8	7,7	7	7
23	12114039	LƯƠNG VĂN	MINH	DH12LN			0,8	1,6	6	6,6	6	6
24	11170030	VÕ THỊ	MỸ	DH11KL			0,8	1,6	5	5,9	5	9
25	11114019	TRẦN VĂN	NAM	DH11LN			0,6	1,6	3	4,9	4	9
26	12114103	NGUYỄN THỊ	NGA	DH12LN			0,8	1,6	8	8,0	8	0
27	12114042	CAO THỊ KIM	NGÂN	DH12LN			0,8	1,6	6	6,6	6	6
28	12114167	HUỲNH THỊ KIM	NGUYÊN	DH12QR			0,8	1,6	5	5,9	5	9
29	11147149	ĐỖ THỊ HỒNG	PHÚC	DH11QR			0,5	1,2	6	5,9	5	9
30	12114222	HUỲNH HỒNG	PHÚC	DH12LN			0,7	1,4	5	5,6	5	6
31	12114232	ĐOÀN THỊ YẾN	PHƯỢNG	DH12NK			0,8	1,6	7	7,3	7	3
32	12114239	NGUYỄN THANH	QUỐC	DH12NK			0,7	1,4	6	6,3	6	3
33	12114211	TRẦN THÁI	QUYỀN	DH12LN			0,6	1,2	6	6,0	6	0
34	12114310	CAO VĂN	QUYNH	DH12NK			0,7	1,4	4	4,9	4	9
35	12114082	NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	DH12NK			0,7	1,4	5	5,6	5	6
36	12114346	ĐỖ DUY	SANG	DH12NK			0,8	1,6	7	7,3	7	3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

Mã nhận dạng 02372

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (20 %)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	08146121	KA	SỈM	DH09NK			0,7	1,4	5	5,6	5	6
38	12114106	HỒ SỸ	SONG	DH12NK			0,6	1,2	4	4,6	4	6
39	11147098	HUỲNH THANH	SƠN	DH11QR			0,6	1,2	5	5,3	5	3
40	11147045	TRƯƠNG VĂN	SƠN	DH11QR			0,6	1,0	4	4,4	4	4
41	07146040	NGUYỄN MINH	TÂM	DH08NK			0,6	1,0	2	3,0	3	0
42	12114238	NGUYỄN HỮU	THẠCH	DH12LN			0,7	1,4	5	5,6	5	6
43	11147003	HÀ CÔNG	THÀNH	DH11QR			0,6	1,2	7	6,7	6	7
44	11147081	VÕ VĂN	THÀNH	DH11QR			0,6	1,2	2	3,0	3	0
45	12114347	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH12NK			0,8	1,6	8	8,0	8	0
46	11147050	PHẠM THỊ	THẢO	DH11QR			0,6	1,6	9	9,5	9	5
47	12114316	NGUYỄN THANH	THIÊN	DH12LN			0,8	1,6	7	7,1	7	1
48	11147150	VŨ MINH	THIÊN	DH11QR			0,6	1,2	6	6,0	6	0
49	12114223	BÙI VĂN	THỎA	DH12NK			0,7	1,2	5	5,4	5	4
50	12114184	HOÀNG CÔNG	THÔNG	DH12NK			0,9	1,8	9	9,0	9	0
51	11146049	ĐẶNG THỊ THU	THÚY	DH11NK			0,9	1,8	8	8,3	8	3
52	11147144	HUỲNH TẤN	TIỀN	DH11QR			0,8	1,6	8	8,0	8	0
53	10114096	MAI NGỌC	TIẾN	DH10LN			0,7	1,4	4	4,9	4	9
54	11146094	TRẦN MINH	TIẾN	DH11NK			0,5	1,0	5	5,0	5	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

Mã nhận dạng 02372

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12114108	NGUYỄN THỊ	TÌNH	DH12LN			0,9	1,6	8	6,0	6	0
56	12114093	TRẦN VĂN	TOÀN	DH12LN			0,7	1,4	6	6,3	6	3
57	12114351	NGUYỄN THANH	TỚI	DH12NK			0,6	1,2	5	5,3	5	3
58	11147163	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH11QR			0,8	1,6	7	7,3	7	3
59	12114322	NGUYỄN LÊ HỮU	TRÍ	DH12QR			0,8	1,6	5	5,9	5	9
60	11147169	LÊ NGUYỄN KHÁNH	TRÌNH	DH11QR			0,6	1,0	4	4,4	4	4
61	12114260	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH12QR			0,6	1,0	2	3,0	3	0
62	08147218	NGUYỄN CHIẾN	TRƯỜNG	DH08QR			0,6	1,2	5	5,3	5	3
63	12114249	TRƯƠNG BÍCH	TUYỀN	DH12NK			0,7	1,4	5	5,6	5	6
64	10146088	TIỀN LÂM	VIỆN	DH10NK			0,5	1,0	2	2,9	2	9
65	11147179	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	DH11QR			0,5	1,0	7	6,4	6	4
66	11147136	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	DH11QR			0,6	1,2	5	5,3	5	3
67	12114356	BÙI NAM	VƯƠNG	DH12NK			0,6	1,2	4	4,6	4	6

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: : 67

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Hồ Quý Thắng M. văn Dy Trương Văn Vinh Hồ Quý Thắng Nguyễn văn Dy

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 001

22 -07- 2014 Mã nhận dạng 02373

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12114001	NGUYỄN QUỐC	ANH	DH12LN		1	0,6	1,2	4	4,6	4	6
2	11114087	NÔNG THÙY	ÁNH	DH11LN		1	0,7	1,4	5	5,6	5	6
3	11146001	NGUYỄN THỊ	BÍCH	DH11NK		1	0,7	1,4	5	5,6	5	6
4	11146063	LÊ THỊ	CẨM	DH11NK		1	0,7	1,4	7	7,0	7	0
5	11114002	K'	ĐẠT	DH11LN		1	0,6	1,4	5	5,5	5	5
6	12114123	NGÔ VĂN	GIÁP	DH12NK		1	0,8	1,6	6	6,6	6	6
7	12114139	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	DH12QR		1	0,8	1,4	4	5,0	5	0
8	12114003	LƯƠNG VIỆT	HIỆU	DH12QR		1	0,6	1,0	3	3,9	3	9
9	08146033	LÊ ĐÌNH	HÒA	DH08NK			0,5	1,0	0	1,5	1	5
10	11170003	PHẠM VĂN	HUÂN	DH11LN			0,5	1,0	0	1,5	1	5
11	12114206	NGUYỄN THỊ	HUỆ	DH12QR		1	0,6	1,2	3	3,9	3	9
12	12114004	ĐÀO THANH	HUY	DH12LN		1	0,6	1,2	4	4,6	4	6
13	12114264	NGUYỄN THỊ MỘNG	KHA	DH12QR		1	0,8	1,6	6	6,6	6	6
14	11147071	TRẦN ĐỨC	KHẢI	DH11QR		1	0,8	1,6	9	8,7	8	7
15	11147153	NGUYỄN CÔNG	KHANH	DH11QR		1	0,9	1,8	9	9,0	9	0
16	12114298	LÂM CAO THÙY	LÊ	DH12QR		1	0,6	1,0	2	3,0	3	0
17	12114341	DƯƠNG NHẬT	LỆ	DH12QR		1	0,8	1,6	8	8,0	8	0
18	11114033	VŨ NGỌC	LONG	DH11LN		1	0,5	1,0	6	5,7	5	7

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 001

Mã nhận dạng 02373

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Đo đạc và bản đồ-205309 Ngày Thi : 11/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11114017	LÊ TẤN	LỘC	DH11LN		*	0,5	1,0	0	1,5	1	5
20	12114301	MAI HỮU	LỢI	DH12QR		1	0,9	1,8	5	6,2	6	2
21	12114278	TRẦN NGỌC	MẾN	DH12QR		2	0,7	1,6	9	8,6	8	6
22	12114190	LÊ NGỌC	MINH	DH12QR		1	0,7	1,2	3	4,0	4	0
23	12114155	NGUYỄN HOÀNG	MINH	DH12QR		1	0,7	1,4	6	6,3	6	3
24	12114180	HUỲNH THỊ TRÀ	MY	DH12LN		1	0,5	1,6	7	7,0	7	0
25	11114035	NGUYỄN SƠN	NAM	DH11LN		1	0,6	1,2	4	4,6	4	6
26	11146037	MAI THỊ MỸ	NGÂN	DH11NK		1	0,7	1,4	6	6,3	6	3

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: : 23

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Minh Cảnh

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Kiều Nương

Xác nhận của khoa/bộ môn

Trương Văn Vinh

Cán bộ chấm thi 1

Hồ Quý Giang

Cán bộ chấm thi 2

Ng. Văn Dũng